

NĂNG LỰC ĐỆM ĐÀN PIANO CỦA HỌC SINH NGÀNH THANH NHẠC BẬC TRUNG CẤP: TIẾP CẬN LÝ LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT KHUNG ĐÁNH GIÁ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU

NGUYỄN XUÂN LINH QUỐC

Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Cà Mau

Nhận bài ngày 30/8/2026. Sửa chữa xong 30/9/2026. Duyệt đăng 15/10/2026

Abstract

Piano accompaniment competence supports vocal music students in learning songs, developing harmonic understanding, and coordinating piano accompaniment with the singing voice. However, the ability to perform isolated piano exercises does not necessarily translate into the ability to construct and perform effective accompaniments. This theoretical article reviews selected studies on piano accompaniment, functional keyboard skills, and music performance assessment to establish a conceptual basis for assessing the piano accompaniment competence of intermediate-level vocal music students. It proposes a six-component competence structure, a set of observable criteria, and a four-level descriptive rubric for potential application at Ca Mau College. As the proposed framework has not been empirically validated, field surveys, expert consultation, and pilot testing are required before it can be used to draw conclusions about students' competence or instructional effectiveness.

Keywords: Competence assessment, intermediate education, piano accompaniment competence, Vietnamese songs, vocal music.

1. Đặt vấn đề

Trong đào tạo Thanh nhạc, piano có thể đảm nhiệm nhiều chức năng: hỗ trợ xác định cao độ, luyện thanh, học tác phẩm, nhận biết hòa thanh và thực hành phối hợp âm nhạc và cũng trong công tác đào tạo chuyên ngành, nhiều nghiên cứu thực tiễn đã khẳng định tầm quan trọng của việc đồng bộ hóa kỹ năng thực hành âm nhạc cho người học (Phạm Thị Thu Hà, 2020). Đối với học sinh (HS) bậc trung cấp, việc sử dụng piano một cách chủ động còn giúp giảm sự lệ thuộc vào người đệm trong những tình huống học tập thường ngày. Tuy nhiên, cần phân biệt kỹ năng chơi piano với năng lực đệm đàn. Một HS có thể đọc nhạc và thực hiện hợp âm hoặc một tác phẩm piano tương đối chính xác nhưng vẫn lúng túng khi phải chọn hòa thanh, tổ chức âm hình đệm và theo sát người hát.

Hoạt động đệm đàn không chỉ là việc bổ sung các hợp âm phía dưới giai điệu. Người đệm phải hiểu cấu trúc câu nhạc, hướng chuyển động hòa thanh, tính chất tiết tấu và đặc điểm biểu đạt của tác phẩm; đồng thời biết lắng nghe, dự đoán và điều chỉnh để tạo sự thống nhất với giọng hát. Một phần đệm phức tạp về kỹ thuật nhưng che lấp tuyến giai điệu hoặc không hỗ trợ người hát chưa thể xem là hiệu quả. Ngược lại, một phần đệm đơn giản, đúng phong cách, ổn định và linh hoạt có thể đáp ứng tốt yêu cầu thực hành ở trình độ trung cấp. Trong bối cảnh nghiên cứu hướng đến Trường Cao đẳng Cà Mau, vấn đề được đặt ra là khả năng chuyển hóa kiến thức và kỹ năng piano cơ bản thành hoạt động đệm ca khúc có hiệu quả. Theo nhận định thực tiễn ban đầu của người nghiên cứu, đây là khía cạnh cần quan tâm; các biểu hiện như khó lựa chọn hợp âm, khó duy trì âm hình đệm hoặc chưa phối hợp nhịp nhàng với giọng hát cần được khảo sát trực tiếp. Vì chưa có dữ liệu thu thập theo quy trình khoa học, bài viết không khẳng định tỷ lệ HS gặp khó khăn cũng không đưa ra kết luận về chất lượng giảng dạy của nhà trường.

Rose (1981) xem xét năng lực đệm đàn như tập hợp nhiều nhóm kỹ năng, vượt ra ngoài kỹ thuật bàn phím. McPherson (1995) cho thấy đánh giá thực hành âm nhạc cần xem xét nhiều dạng nhiệm vụ. Các

Email: nguyenquocsteel@gmail.com.vn

gợi mở này đặt ra nhu cầu xây dựng khung đánh giá chuyên biệt, phù hợp với người học Thanh nhạc bậc trung cấp. Bài viết tập trung trả lời hai câu hỏi: Năng lực đệm đàn piano của đối tượng này được cấu thành bởi những thành tố nào? Có thể chuyển hóa các thành tố ấy thành tiêu chí và nhiệm vụ đánh giá ra sao để phục vụ nghiên cứu tại Trường Cao đẳng Cà Mau?

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận

2.1. Năng lực đệm đàn piano như một năng lực tích hợp

Trong luận án *Competencies in Piano Accompanying*, Rose (1981) tiếp cận đệm đàn như lĩnh vực đòi hỏi kỹ năng piano, kỹ năng đệm, hiểu biết Thanh nhạc và những năng lực liên quan đến tương tác biểu diễn. Điểm đáng chú ý của cách tiếp cận này là việc không đồng nhất người đệm đàn với nghệ sĩ piano độc tấu. Khi phối hợp với người hát, người chơi đàn phải vừa thực hiện phần nhạc của mình, vừa theo dõi nhịp thở, ngắt câu, tốc độ và sắc thái của tuyến giọng hát. Tuy vậy, hệ thống năng lực dành cho người đệm đàn chuyên nghiệp không thể chuyển nguyên vẹn thành yêu cầu đối với HS Thanh nhạc trung cấp, bởi mục tiêu và trình độ đào tạo khác nhau. Ngoài ra, các nghiên cứu chuyên sâu về năng lực đệm đàn piano trong môi trường sư phạm, Ertem (2023) cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng khung năng lực chuyên biệt. Việc phát triển kỹ năng đệm không nên dừng lại ở lý thuyết thuần túy mà phải được kiểm chứng qua khả năng vận dụng thực hành trong các nhiệm vụ âm nhạc thực tế. Khái niệm piano ứng dụng (*functional piano*) nhấn mạnh khả năng sử dụng nhạc cụ để giải quyết nhiệm vụ âm nhạc cụ thể. Do vậy, nhà nghiên cứu âm nhạc Nguyễn Văn Hoa cũng chỉ ra rằng việc trang bị kỹ năng piano ứng dụng đóng vai trò thiết yếu giúp HS hệ trung cấp xử lý tốt phần đệm ca khúc (Nguyễn Văn Hoa, 2021). Với HS Thanh nhạc, các nhiệm vụ tiêu biểu có thể bao gồm xác định giọng, đệm hòa thanh cho giai điệu, chuyển giọng phù hợp với âm vực, tạo phần dạo ngắn và hỗ trợ quá trình luyện tập. Theo hướng này, năng lực không được suy ra từ số lượng bài kỹ thuật đã hoàn thành mà cần được quan sát trong tình huống thực hành có mục đích.

2.2. Đánh giá năng lực thực hành âm nhạc

McPherson (1995) xây dựng và kiểm định các phép đo khác nhau đối với năng lực biểu diễn âm nhạc, bao gồm những dạng kỹ năng như đọc nhạc, biểu diễn theo trí nhớ, chơi bằng tai và ứng tác. Công trình gợi ý rằng một bài kiểm tra đơn lẻ khó phản ánh đầy đủ năng lực âm nhạc đa chiều. McPherson và Thompson (1998) tiếp tục phân tích các vấn đề ảnh hưởng đến đánh giá biểu diễn, nhắc nhở người nghiên cứu cần quan tâm đến tính nhất quán của tiêu chí và sự khác biệt giữa những người chấm. Đối với năng lực đệm đàn, đánh giá cần xem xét đồng thời ba bình diện: thực hiện chính xác, lựa chọn phù hợp và thích ứng trong tương tác. Chẳng hạn, chơi đúng hợp âm là điều kiện cần nhưng chưa đủ; HS còn phải tổ chức tiết tấu tương thích với ca khúc và kiểm soát cường độ để giọng hát được nổi bật. Vì thế, công cụ đánh giá nên sử dụng các chỉ báo hành vi có thể quan sát, kết hợp nhiệm vụ cá nhân với nhiệm vụ phối hợp cùng người hát. Việc thiết lập hệ thống tiêu chí quan sát đa chiều là yêu cầu tất yếu trong đổi mới kiểm tra, đánh giá năng lực thực hành âm nhạc hiện nay (Trần Văn Nam, 2022).

2.3. Định hướng nghiên cứu trong bối cảnh Việt Nam

Việc nghiên cứu đệm đàn cho ca khúc Việt Nam cần tính đến mối liên hệ giữa giai điệu, lời ca và phong cách thể hiện. Nhiều ca khúc có thể được đệm bằng các mẫu tiết tấu quen thuộc nhưng lựa chọn mẫu đệm không nên chỉ dựa vào tên gọi như ballad, valse, bolero hay slow rock. Người học phải phân tích nhịp, tốc độ, cách phân câu, đường nét giai điệu và sắc thái nội dung trước khi quyết định kết cấu phần đệm. Đặc biệt, ngữ điệu tiếng Việt, điểm lấy hơi và cách ngân nghỉ của người hát có thể đòi hỏi người đệm điều chỉnh cách nhấn, dừng hoặc nối câu. Trong phạm vi tài liệu được sử dụng cho bài viết, những nghiên cứu nền tảng về năng lực đệm và đánh giá âm nhạc cung cấp cơ sở lý luận quan trọng nhưng chưa trực tiếp giải quyết yêu cầu xây dựng công cụ dành cho HS Thanh nhạc bậc trung cấp tại Trường Cao đẳng Cà Mau. Khoảng trống nghiên cứu ở đây được hiểu là khoảng trống của bối cảnh và mục tiêu ứng dụng cụ thể, không phải khẳng định chưa có bất kỳ công trình nào ở Việt Nam về dạy học đệm piano. Việc rà soát sâu hơn các luận văn, luận án và bài báo trong nước vẫn cần được tiếp tục khi chuẩn bị hồ sơ gửi tạp chí.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng thiết kế nghiên cứu lý luận, kết hợp phân tích, tổng hợp và đối chiếu tài liệu. Tài liệu cốt lõi được lựa chọn theo mức độ liên quan trực tiếp đến ba chủ đề: năng lực đệm đàn piano; piano ứng dụng đối với người học không chuyên piano; đánh giá năng lực thực hành, biểu diễn âm nhạc. Các công trình được sử dụng nhằm xác định nội hàm khái niệm, nhóm kỹ năng cần thiết và nguyên tắc xây dựng tiêu chí đánh giá. Quy trình xây dựng khung đề xuất gồm bốn bước: Bước thứ nhất, trích xuất những biểu hiện năng lực từ tài liệu, chẳng hạn kỹ năng hòa thanh, kỹ thuật bàn phím, lắng nghe và phối hợp. Bước thứ hai, phân loại các biểu hiện thành nhóm kiến thức nền tảng, kỹ năng thực hiện và năng lực vận dụng. Bước thứ ba, điều chỉnh phạm vi theo yêu cầu HS Thanh nhạc bậc trung cấp, tránh đồng nhất với chuẩn của nghệ sĩ đệm đàn chuyên nghiệp. Bước thứ tư, chuyển hóa từng nhóm thành tiêu chí quan sát, nhiệm vụ thực hành và mô tả mức độ đạt được. Ba nguyên tắc được sử dụng để rà soát khung đề xuất là tính phù hợp với mục tiêu học tập của HS Thanh nhạc, tính quan sát được trong nhiệm vụ đệm ca khúc và tính khả thi khi tổ chức đánh giá tại cơ sở đào tạo. Đây là quá trình xây dựng khung khái niệm, không phải một tổng quan hệ thống với chiến lược tìm kiếm và sàng lọc toàn bộ tài liệu. Nghiên cứu chưa khảo sát HS, chưa phỏng vấn giảng viên và chưa kiểm định độ tin cậy, giá trị của thang đánh giá; các hoạt động này được xác định là nhiệm vụ tiếp theo.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Khái niệm năng lực đệm đàn piano của học sinh Thanh nhạc bậc trung cấp

Trên cơ sở tiếp cận năng lực như khả năng huy động tổng hợp tri thức và kỹ năng để hoàn thành nhiệm vụ, bài viết đề xuất: Năng lực đệm đàn piano của HS ngành Thanh nhạc bậc trung cấp là khả năng vận dụng kiến thức âm nhạc, kỹ năng piano, tư duy hòa thanh, cảm nhận phong cách và kỹ năng tương tác với giọng hát để xây dựng, thực hiện và điều chỉnh phần đệm phù hợp với ca khúc và yêu cầu thực hành ở trình độ trung cấp. Khái niệm này nhấn mạnh bốn thuộc tính. Tính tích hợp thể hiện ở sự phối hợp kiến thức và kỹ năng, thay vì thực hiện riêng rẽ từng thao tác. Tính chức năng thể hiện ở mục tiêu hỗ trợ người hát và tổ chức tổng thể âm nhạc. Tính thích ứng thể hiện qua việc điều chỉnh tốc độ, sắc thái, âm hình hoặc giọng điệu trong tình huống thực tế. Tính phát triển thể hiện ở khả năng tiến bộ thông qua luyện tập theo nhiệm vụ và phản hồi có định hướng.

4.2. Cấu trúc 6 thành tố năng lực

Thành tố thứ nhất là vận dụng kiến thức âm nhạc nền tảng. Người học cần nhận diện giọng, nhịp, cấu trúc câu đoạn, chức năng hợp âm và diễn tiến hòa thanh. Điều quan trọng không phải chỉ gọi tên đúng thuật ngữ mà là dùng hiểu biết ấy để lựa chọn hợp âm và điểm chuyển hòa thanh phù hợp với giai điệu. Với ca khúc đơn giản, HS có thể bắt đầu từ những hợp âm chính và mở rộng dần sang hợp âm phụ, hợp âm đảo hoặc chuyển tiếp.

Thành tố thứ hai là kỹ thuật piano phục vụ đệm đàn. Những biểu hiện cần chú ý gồm tư thế và kiểm soát bàn phím, thực hiện hợp âm, chuyển thể bấm, phối hợp hai tay, giữ nhịp và điều tiết cường độ. Kỹ thuật ở đây được xem là phương tiện để duy trì phần đệm rõ ràng, ổn định chứ không được đánh giá theo mức độ phô diễn kỹ thuật độc tấu. Một HS biết chọn thể hợp âm thuận tay, chuyển hợp âm ít gián đoạn và duy trì âm trầm phù hợp có thể đáp ứng tốt nhiệm vụ ở mức cơ bản.

Thành tố thứ ba là xây dựng và tổ chức phần đệm. Người học cần biết chọn hợp âm, bố trí âm trầm, tạo âm hình tiết tấu, xử lý phần dạo đầu, nối đoạn và kết thúc. Một phần đệm hợp lý cần có tính liên tục, phù hợp với cấu trúc ca khúc và không gây quá tải cho người hát. Ở bậc trung cấp, yêu cầu có thể bắt đầu bằng phần đệm đơn giản với một mẫu âm hình nhất quán, sau đó phát triển thành khả năng biến đổi theo câu và đoạn.

Thành tố thứ tư là vận dụng phong cách đệm. HS cần nhận diện tính chất của ca khúc và lựa chọn âm hình đệm tương ứng, chẳng hạn cách rải hợp âm mềm mại cho ca khúc trữ tình, tiết tấu ba phách cho valse hoặc mẫu đệm có điểm nhấn phù hợp với ca khúc mang màu sắc nhạc nhẹ. Việc dạy theo phong cách cần tránh đồng nhất mỗi thể loại với một mẫu đệm cố định; một ca khúc có thể có nhiều phương án đệm nhưng mỗi phương án cần được giải thích về tính phù hợp.

Thành tố thứ năm là phối hợp với giọng hát. Người đệm phải biết nghe, theo dõi và hỗ trợ người

hát vào câu; giữ nhịp ổn định nhưng không máy móc; xử lý điểm ngân, nghỉ và thay đổi sắc thái. Năng lực này thể hiện rõ tính tương tác của hoạt động đệm đàn. Khi người hát cần lấy hơi hoặc kéo dài một nốt ở vị trí thích hợp, người đệm phải có khả năng nhận biết và điều chỉnh mà không làm đứt mạch âm nhạc. Đặc biệt cần tôn trọng ngữ điệu và dấu giọng tiếng Việt, tránh đánh các hợp âm hoặc điểm nhấn chói làm biến dạng thanh điệu từ vựng của lời ca.

Thành tố thứ sáu là thích ứng và ứng dụng sáng tạo. Những biểu hiện có thể gồm chuyển giọng để phù hợp âm vực, thay đổi thể hợp âm, giản lược hoặc bổ sung âm hình, xử lý phần dạo và giải quyết tình huống phát sinh. Sáng tạo ở trình độ trung cấp không nhất thiết là ứng tác phức tạp; khả năng biến đổi một mẫu đệm đơn giản để đáp ứng tình huống cụ thể cũng là biểu hiện cần ghi nhận.

6 thành tố có quan hệ hỗ trợ nhau. Kiến thức nền tảng và kỹ thuật piano là điều kiện cần; xây dựng phần đệm và vận dụng phong cách thể hiện năng lực tổ chức âm nhạc; phối hợp với giọng hát và thích ứng sáng tạo cho thấy khả năng sử dụng kỹ năng trong tình huống thực tế. Sự phân chia thành 6 thành tố phục vụ mục đích mô tả và đánh giá; trong thực hành, các thành tố thường xuất hiện đồng thời.

4.3. Khung tiêu chí đánh giá đề xuất

Từ cấu trúc nêu trên, bài viết đề xuất 6 nhóm tiêu chí gắn với các chỉ báo hành vi. Các tiêu chí hướng đến những biểu hiện có thể quan sát hoặc nghe được trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, qua đó hạn chế đánh giá chỉ dựa trên cảm nhận chung về chất lượng phần đệm.

Bảng 1: Khung tiêu chí đánh giá năng lực đệm đàn piano (đề xuất)

Thành tố	Chỉ báo quan sát chủ yếu
Kiến thức nền tảng	Xác định giọng, nhịp, cấu trúc và lựa chọn hợp âm phù hợp
Kỹ thuật piano	Thực hiện hợp âm, phối hợp hai tay, giữ nhịp, kiểm soát âm lượng
Tổ chức phần đệm	Tạo âm hình, bố trí âm trầm, xử lý dạo đầu và kết thúc
Vận dụng phong cách	Lựa chọn mẫu đệm phù hợp và thay đổi theo tính chất ca khúc
Phối hợp giọng hát	Hỗ trợ vào câu, theo dõi hơi thở hay ngữ điệu lời ca, điều chỉnh nhịp và sắc thái
Thích ứng, sáng tạo	Chuyển giọng, biến đổi mẫu đệm và xử lý tình huống

Mỗi tiêu chí có thể được mô tả theo bốn mức độ tăng dần về tính chính xác, mức độ độc lập và khả năng thích ứng. Thang này được đề xuất để phát triển thành rubric chi tiết, chưa phải thang đo đã được chuẩn hóa.

Bảng 2: Mô tả bốn mức độ năng lực (đề xuất)

Mức	Mô tả chung
1. Chưa đáp ứng	Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc chỉ thực hiện rời rạc khi có hỗ trợ trực tiếp
2. Đáp ứng một phần	Thực hiện nhiệm vụ đơn giản nhưng chưa ổn định, còn cần gợi ý
3. Đáp ứng yêu cầu	Thực hiện độc lập, tương đối chính xác và phù hợp với nhiệm vụ trung cấp
4. Vận dụng linh hoạt	Thực hiện ổn định, chủ động điều chỉnh và xử lý tình huống phù hợp

Để sử dụng trong thực tế, mỗi tiêu chí cần có mô tả riêng cho từng mức. Ví dụ, đối với tiêu chí phối hợp với giọng hát, mức 1 có thể là thường xuyên lệch nhịp và không theo được điểm vào câu; mức 2 là theo được đoạn đơn giản nhưng còn cần hỗ trợ; mức 3 là phối hợp ổn định trong bài được chuẩn bị; mức 4 là chủ động điều chỉnh hợp lý khi xuất hiện thay đổi về cách ngắt câu, xử lý ngữ điệu lời ca hoặc sắc thái. Việc cho điểm cần dựa trên biểu hiện thực tế, không chỉ dựa vào cảm nhận về mức độ “hay” của phần đệm.

4.4. Khoảng cách giữa kỹ năng piano riêng lẻ và năng lực đệm đàn

Vấn đề trọng tâm của nghiên cứu là khoảng cách có thể xuất hiện giữa kiến thức, kỹ năng đã học và khả năng vận dụng chúng vào đệm ca khúc. Một HS có thể nhận biết hợp âm trên giấy nhưng chuyển hợp âm chậm khi chơi đàn; có thể chơi mẫu rải hợp âm đúng khi tập một mình nhưng mất ổn định khi người hát thay đổi cách phân câu. Những ví dụ này cho thấy năng lực cần được kiểm tra qua nhiệm vụ tích hợp thay vì chỉ thông qua câu hỏi lý thuyết hoặc bài tập kỹ thuật độc lập.

Bài viết đề xuất xem xét hiệu quả đệm đàn trên ba phương diện: tính chính xác (hòa thanh, tiết tấu, kỹ thuật); tính phù hợp (phong cách, cấu trúc, hỗ trợ giọng hát và tôn trọng ngữ điệu lời ca Việt Nam);

và tính linh hoạt (khả năng điều chỉnh theo tình huống). Ba phương diện có thể dùng như nguyên tắc xuyên suốt khi xây dựng rubric cho 6 thành tố. Chẳng hạn, ở nhiệm vụ đệm một ca khúc trữ tình, HS không nhất thiết phải sử dụng hợp âm phức tạp; phương án đơn giản nhưng đúng, rõ và hỗ trợ giọng hát có thể được đánh giá tích cực hơn phương án cầu kỳ nhưng thiếu ổn định.

Đối với ca khúc Việt Nam, tính phù hợp còn liên quan đến ngữ điệu lời ca và cách xử lý câu hát. Người đệm cần tránh đặt điểm nhấn âm nhạc làm cản trở cách nhả chữ, đồng thời biết tạo khoảng trống hoặc điều chỉnh cường độ tại những vị trí cần làm nổi bật nội dung lời ca. Đây là hướng nghiên cứu có thể được phát triển thành nhóm nhiệm vụ chuyên biệt khi khảo sát HS tại Trường Cao đẳng Cà Mau.

4.5. Định hướng vận dụng tại Trường Cao đẳng Cà Mau

Khung năng lực đề xuất có thể được triển khai thử nghiệm qua một chuỗi nhiệm vụ tăng dần độ phức tạp: phân tích giọng, nhịp và hợp âm của ca khúc; thực hiện chuyển hợp âm với hai tay; xây dựng âm hình đệm cơ bản; lựa chọn phong cách phù hợp; phối hợp trực tiếp với người hát; xử lý tình huống chuyển giọng hoặc thay đổi cách thể hiện. Các nhiệm vụ nên sử dụng ca khúc có độ khó tương đương, được chọn theo tiêu chí rõ ràng về âm vực, nhịp, số lượng hợp âm và cấu trúc.

Khi khảo sát chính thức nên kết hợp đánh giá bài thực hành với quan sát và phỏng vấn ngắn nhằm tìm hiểu vì sao HS gặp khó khăn. Bài thực hành có thể được ghi âm hoặc ghi hình; ít nhất hai người đánh giá độc lập sẽ giúp xem xét mức độ nhất quán của kết quả. Trước khi áp dụng rộng rãi, cần lấy ý kiến chuyên gia về nội dung, thử nghiệm trên nhóm nhỏ và điều chỉnh các mô tả mức độ. Chỉ sau các bước này mới có cơ sở phân tích thực trạng, xác định điểm mạnh, hạn chế và đề xuất biện pháp dạy học phù hợp.

Việc sử dụng khung đề xuất cũng cần lưu ý các giới hạn: 1) Điều kiện học piano và trình độ đầu vào của HS có thể không đồng đều; 2) Không phải mọi HS Thanh nhạc đều có cùng mục tiêu sử dụng piano trong nghề nghiệp; 3) Những thành tố như cảm nhận phong cách hoặc phối hợp với giọng hát có thể chịu ảnh hưởng của đặc điểm ca khúc và người hát tham gia đánh giá. Vì vậy, khung cần được hiệu chỉnh theo chương trình đào tạo và điều kiện tổ chức thực tế, thay vì sử dụng như một chuẩn cứng áp dụng cho mọi đối tượng.

5. Kết luận

Năng lực đệm đàn piano của HS ngành Thanh nhạc bậc trung cấp là năng lực thực hành tích hợp, khác với kỹ năng biểu diễn piano độc lập ở mục tiêu sử dụng, yêu cầu phối hợp và khả năng thích ứng. Trên cơ sở phân tích những nghiên cứu liên quan, bài viết đề xuất khái niệm, cấu trúc 6 thành tố và khung tiêu chí đánh giá theo bốn mức độ, đồng thời xác định các nhiệm vụ thực hành có thể sử dụng trong nghiên cứu tại Trường Cao đẳng Cà Mau. Đóng góp của bài viết là chuyển trọng tâm từ việc kiểm tra kỹ năng piano riêng lẻ sang đánh giá khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng để đệm ca khúc chính xác, phù hợp và linh hoạt. Đây là cơ sở lý luận có thể hỗ trợ thiết kế công cụ khảo sát và định hướng dạy học trong giai đoạn tiếp theo. Do chưa có dữ liệu thực tế và chưa kiểm định công cụ, nghiên cứu không đưa ra kết luận về mức độ năng lực hiện tại của HS. Việc khảo sát, tham vấn chuyên gia và thử nghiệm khung đánh giá là điều kiện cần để kiểm chứng tính phù hợp và giá trị ứng dụng của các đề xuất.

Tài liệu tham khảo

- Ertem, A. (2023). Piano accompaniment competences of music teacher candidates. *Cumhuriyet International Journal of Education*, 12(4), 415-430. <https://doi.org/10.30703/cije.1282449>.
- McPherson, G. E. (1995). The assessment of musical performance: Development and validation of five new measures. *Psychology of Music*, 23(2), 142-161. <https://doi.org/10.1177/0305735695232003>.
- McPherson, G. E., & Thompson, W. F. (1998). Assessing music performance: Issues and influences. *Research Studies in Music Education*, 10(1), 12-24. <https://doi.org/10.1177/1321103X9801000102>.
- Nguyễn Văn Hoa (2021). Phương pháp đệm đàn và ứng dụng piano cơ bản cho học sinh hệ trung cấp âm nhạc. *Tạp chí Âm nhạc và Thời đại*, 42(2), 34-39.
- Phạm Thị Thu Hà (2020). *Đào tạo thanh nhạc và kỹ năng thực hành âm nhạc chuyên nghiệp*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Rose, E. L. (1981). *Competencies in piano accompanying* [Doctoral dissertation, North Texas State University]. UNT Digital Library. <https://digital.library.unt.edu/ark:/67531/metadc331626/>.
- Trần Văn Nam (2022). Xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực thực hành biểu diễn cho người học âm nhạc chuyên nghiệp. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 68(5), 55-61.